

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

- Bản án số: 54/2022/HNGĐ - ST
- Ngày: 07 - 6 - 2022
- V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Danh Đẹp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Thị Diễm**, sinh năm 1975 (tự Út Nhỏ)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đông**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

(Bà Diễm, ông Đông có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị bà Thị Diễm trình bày:* Vào năm 1997 tôi và anh Đông kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 415/2002, ngày 29/10/2002.

Trong quá trình chung sống tôi và anh Đông có chung với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Danh Thái Dương, sinh năm 1997 sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành và Nguyễn Danh Thái Duy, sinh ngày 09/10/2004 hiện nay sống cùng ông Đông.

Về tài sản chung trong quá trình chung sống tôi và anh Đông cũng có tạo lập được một số tài sản chung nhưng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung thì không có nợ chung.

Lúc đầu, cuộc sống vợ chồng tôi rất hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng tôi thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ghen tuông vô cớ, thậm chí anh Đông thường xuyên đánh đập tôi nhiều lần. Chỉ vì con muốn nêu kéo hạnh phúc gia đình nên tôi mới chịu đựng đến ngày hôm nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không còn nên tôi làm đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đông.
- Về con chung: Tôi và anh Đông có chung với nhau 02 người con tên Nguyễn Danh Thái Dương, sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành và Nguyễn Danh Thái Duy, sinh ngày 09/10/2004 hiện nay đang sống cùng ông Đông, tôi đồng ý giao cho ông Đông nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 10/5/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn Đông trình bày:* Vào năm 1997, tôi và chị Thị Diễm có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 415/2002, ngày 29/10/2002. Qua thời gian chung sống, chúng tôi có 02 người con chung tên: Nguyễn Danh Thái Dương, sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Danh Thái Duy, sinh ngày 09/10/2004 hiện nay đang sống cùng tôi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có tạo lập 01 tài sản chung gồm có 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất do mẹ vợ cho với đất đã được cấp cho vợ chồng tôi đứng tên chủ sở hữu, hiện nay căn nhà do tôi và con tôi đang ở nhưng tôi xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn, tôi xác nhận trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi đi làm ăn xa, vắng nhà, tôi có thường xuyên gọi điện thoại về nhà thăm gia đình, nhưng chị Diễm không nghe máy và chặn cuộc gọi của tôi, đến khi tôi về nhà thì phát hiện có thái độ lén lút lúc nghe điện thoại của người khác, sau nhiều lần kiểm tra thì mới phát hiện chị Diễm có quen người đàn ông khác bên ngoài, tôi đã nhiều lần động viên hàn gắn nhưng chị Diễm không đồng ý, tôi xác nhận trong lúc nóng giận tôi có đánh vợ tôi, tôi xác định trong thời gian chung sống tôi có uống rượu là thật hay chửi vợ là thật và thậm chí tôi có đánh vợ tôi là do vợ tôi có người đàn ông khác bên ngoài. Khi tôi nói thì vợ tôi chối sau đó chị Diễm bỏ nhà đi từ 5/4/2022 cho đến nay không có về nhà. Tôi xác nhận mặc dù chị Diễm có nhiều cái sai trong quá trình hôn nhân nhưng tôi chấp nhận tha lỗi để hàn gắn, để chăm lo cho con, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Diễm.

Nay vợ tôi gửi đơn này đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xin ly hôn với tôi thì ý kiến của tôi như sau:

Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Thị Diễm, tôi muốn tòa cho tôi thời gian và cơ hội để cho vợ tôi suy nghĩ lại để hàn gắn vợ chồng.

Về con chung: Có 02 người con chung tên: Nguyễn Danh Thái Dương, sinh năm 1997 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung tên Nguyễn Danh Thái Duy, sinh ngày 09/10/2004 hiện nay đang sống cùng với ông Đông, do đó HĐXX xét giao cho ông Đông tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đông không yêu cầu bà Diễm cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông Nguyễn Văn Đông mới có yêu cầu chia tài sản chung, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Đông.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Thị Diễm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thị Diễm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, bị đơn ông Nguyễn Văn Đông có địa chỉ cư trú tại ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thị Diễm yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đông, Hội đồng xét xử xét thấy rằng bà Diễm và ông Đông xác định anh chị xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2002 và được UBND xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 415/2002 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Diễm, ông Đông đều xác nhận anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Theo bà Diễm nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đông thường xuyên ghen tuông vô cớ và thậm chí đánh bà nhiều lần, về phía ông Đông cũng thừa nhận là bà Diễm có người đàn ông khác bên ngoài, trong lúc nóng giận không kiềm chế được bản thân nên ông có đập điện thoại bà Diễm và có đánh vợ vài lần.

HĐXX nhận định việc bà Diễm yêu cầu ly hôn với ông Đông là có căn cứ vì trên thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Diễm, ông Đông xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên nhiều lần để ông Đông và bà Diễm hàn gắn đoàn tụ nhưng bà Diễm vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Diễm không còn tự nguyện sống chung với ông Đông nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diễm yêu cầu ly hôn với ông Đông là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Diễm và ông Đông đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 người con chung tên: Nguyễn Danh Thái Dương, sinh năm 1997 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung tên Nguyễn Danh Thái Duy, sinh ngày 09/10/2004 hiện nay đang sống cùng với ông Đông, do đó HĐXX xét giao cho ông Đông tiếp

tục nuôi dưỡng, ông Đông không yêu cầu bà Diễm cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Thị Diễm xác định trong thời gian chung sống có tạo lập được một số tài sản chung nhưng bà Diễm xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận. Về phí ông Đông trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo được 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất do mẹ vợ cho với đất đã được cấp cho vợ chồng ông đứng tên, hiện nay căn nhà do ông và con ông đang ở nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Đông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, cho đến khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên ông Đông mới có yêu cầu được chia tài sản chung nên căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật dân sự yêu cầu của ông Đông không có cơ sở để HĐXX xem xét. Nếu ông Đông cho rằng yêu cầu của mình có cơ sở, có căn cứ thì ông Đông có thể khởi kiện thành vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: Bà Thị Diễm và ông Nguyễn Văn Đông xác định không có nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc bà Diễm phải chịu 300.000 đồng, nhưng bà Diễm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009302, ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bà Diễm không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 2 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị Diễm về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” với ông Nguyễn Văn Đông.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị Diễm được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đông.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Danh Thái Dương, sinh năm 1997 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao người con chung tên Nguyễn Danh Thái Duy, sinh ngày 09/10/2004 cho ông Đông tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đông không yêu cầu bà Diễm cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Bà Thị Diễm có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Thị Diễm và ông Nguyễn Văn Đông xác định có tạo lập được một số tài sản chung. Bà Diễm xác định để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử ông Nguyễn Văn Đông mới có yêu cầu nên căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Nếu ông Đông cho rằng yêu cầu của mình có cơ sở, có căn cứ thì ông Đông có thể khởi kiện thành vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về nợ chung: Bà Thị Diễm và ông Nguyễn Văn Đông xác định không có nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Diễm phải chịu 300.000 đồng, nhưng bà Diễm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009302, ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bà Diễm không phải nộp

thêm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Danh Pì Sách**

